

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2018/DS-ST**
Ngày 16 - 10 - 2018
V/v Tranh hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp.

Ông Huỳnh Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLST-DS ngày 31/7/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2018/QĐXXST-DS ngày 06/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 290/2018/QĐST-DS ngày 25/9/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Cà Mau – Người đại diện: Ông Trịnh Thanh N – Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Tuyết G, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông N có mặt, bà G vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/8/2018 của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 14/11/2014 Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) giải ngân cho bà Nguyễn Tuyết G vay số tiền 19.000.000 đồng, lãi suất 0,800 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,040 %/tháng, thời hạn vay là 36 tháng. Trong quá trình vay vốn bà G không thực hiện trả lãi theo quy định và đến ngày

05/4/2018 Ngân hàng đã chuyển số nợ sang nợ quá hạn, hiện nay số nợ đã quá hạn trên 03 tháng nhưng bà G vẫn không trả nợ. Khoản nợ này tính đến ngày 21/6/2018 là 24.228.084 đồng (trong đó nợ gốc là 19.000.000 đồng, nợ lãi là 5.228.084 đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện T giải ngân cho bà Nguyễn Tuyết G vay vào ngày 14/4/2012 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 14/11/2012 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 0,650 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,845 %/tháng, thời hạn vay là 108 tháng. Ngày 14/6/2011 số tiền 9.000.000 đồng, vào ngày 14/4/2012 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 0,500 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,650 %//tháng, thời hạn vay là 96 tháng. Trong quá trình vay vốn bà G không thực hiện trả lãi theo quy định và đến ngày 05/4/2018 Ngân hàng đã chuyển số nợ sang nợ quá hạn, hiện nay số nợ đã quá hạn trên 03 tháng nhưng bà G vẫn không trả nợ. Khoản nợ này tính đến ngày 21/6/2018 là 34.173.437 đồng (trong đó nợ gốc là 24.000.000 đồng, nợ lãi là 10.173.437 đồng).

Nay ông N đại diện cho Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Tuyết G phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 43.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/6/2018 là 15.401.557 đồng.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến trong vụ kiện này.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay chưa thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về thẩm quyền tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp giữa các đương sự là việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nên Tòa án

nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với Điều 688 Bộ luật dân sự.

[6] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy tại sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ số 6600000702916207, số 221100201051 và số 221100201041 có thể hiện thông tin họ tên người vay là Nguyễn Tuyết G và tại phần theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có chữ ký của bà G thể hiện tổng dư nợ ở các khoản tổng cộng là 43.000.000 đồng là có thật, đối với lãi của các khoản vay là trong hạn mức cho phép huy động theo quy định. Bà G đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các thông báo triệu tập hợp lệ để tham gia trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà G không đến và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của Ngân hàng, hơn nữa bà G cũng không cung cấp tài liệu gì chứng minh đã thực hiện việc trả các khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó, có căn cứ xác định bà G hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 43.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/6/2018 là 15.401.557 đồng chưa thanh toán là đúng, nên cần buộc bà G thanh toán khoản nợ này cho Ngân hàng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền **58.401.557** đồng (*trong đó: số tiền gốc là 43.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/6/2018 là 15.401.557 đồng*).

[7] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Tuyết G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền **58.401.557** đồng (*trong đó: số tiền gốc là 43.000.000 đồng, lãi là 15.401.557 đồng tính đến ngày 21/6/2018*).

Kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2018, thì bà Nguyễn Tuyết G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Bà G phải nộp là 2.920.077 đồng. Ngân hàng thuộc trường hợp không phải dự nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung